TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do -Hạnh phúc**
Số: 177/2026/QĐST-HNGĐ	*An Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 288/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số D, N, ấp K, xã K, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số D, N, ấp K, xã K, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T với ông Huỳnh Minh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Ngọc H, giới tính nữ, sinh ngày 10/01/2003 (đã trưởng thành), Huỳnh Ngọc H1, giới tính nữ, sinh ngày 26/7/2009, Huỳnh Ngọc H2, giới tính nữ, sinh ngày 10/2/2011, hiện nay cháu H1, cháu H2 đang sống cùng bà T. Khi ly hôn ông bà thống nhất và theo

nguyện vọng của cháu H1, cháu H2, giao con chung tên Huỳnh Ngọc H1 và Huỳnh Ngọc H2 cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông bà trình bày tự thoả thuận phân chia và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu hoàn toàn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002329 ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay T được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh An Giang;
- UBND xã Đức Lập, tỉnh Tây Ninh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng